

Số: /QĐ-KSBT

Hải Phòng, ngày tháng 07 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu “Mua sắm vật tư, hoá chất, sinh phẩm cho hoạt động dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng năm 2026” thuộc dự toán mua sắm: “Mua sắm vật tư, hoá chất, sinh phẩm cho hoạt động dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng năm 2026”

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TP HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc Hội về việc Sửa Đổi, Bổ Sung Một Số Điều Của Luật Quy Hoạch, Luật Đầu Tư, Luật Đầu Tư Theo Phương Thức Đối Tác Công Tư Và Luật Đấu Thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 Ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ quy định Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định 447/QĐ-TTKSBT ngày 04/03/2026 về việc kiện toàn Hội đồng mua sắm hóa chất, vật tư, sinh phẩm của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng năm 2025.

Căn cứ Kế hoạch mua sắm hóa chất, vật tư, sinh phẩm dùng trong xét nghiệm dịch vụ của các khoa, phòng chuyên môn đã được lãnh đạo Trung tâm phê duyệt;

Căn cứ Biên bản họp ngày 28/04/2026 của Hội đồng mua sắm về việc thống nhất danh mục, số lượng, thông số kỹ thuật cơ bản, quy cách, đơn vị tính của hóa

chất, vật tư, sinh phẩm của xét nghiệm dịch vụ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Biên bản họp ngày 10/06/2026 của Hội đồng mua sắm về việc thông qua xây dựng giá gói thầu Mua sắm vật tư, hoá chất, sinh phẩm cho hoạt động dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1437/QĐ-KSBT ngày 18/06/2026 về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán, nguồn vốn và danh mục mua sắm: Mua sắm vật tư, hoá chất, sinh phẩm cho hoạt động dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 1455/QĐ-KSBT ngày 22/06/2026 Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: “Mua sắm vật tư, hoá chất, sinh phẩm cho hoạt động dịch vụ của Trung tâm KSBT Hải Phòng năm 2026

Căn cứ Thông báo mời thầu IB2600312237; Căn cứ Kết quả chào giá trực tuyến rút gọn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia mở ngày 02/07/2026;

Căn cứ Thông báo xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia của các nhà thầu; Hồ sơ chào thầu của các nhà thầu;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng mua sắm vật tư hóa chất sinh phẩm ngày 14/07/2026 về việc thông qua trình phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua sắm vật tư, hoá chất, sinh phẩm cho hoạt động dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng năm 2026.”;

Theo tờ trình của Tổ chuyên gia và báo cáo Thẩm định KQLCNT của tổ thẩm định số 2007 /BCTĐ-TTĐ ngày 20/07/2026 về việc thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu “Mua sắm vật tư, hoá chất, sinh phẩm cho hoạt động dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng năm 2026;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. *Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu “Mua sắm vật tư, hoá chất, sinh phẩm cho hoạt động dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng năm 2026” thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm “Mua sắm vật tư, hoá chất, sinh phẩm cho hoạt động dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng năm 2026” bao gồm:*

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2600312237

- Tên gói thầu: “Mua sắm vật tư, hoá chất, sinh phẩm cho hoạt động dịch vụ của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng năm 2026”

- Giá gói thầu được phê duyệt là: 873.450.812 đồng Bằng chữ: *Tám trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn, tám trăm mười hai đồng./.*

- Tên Chủ đầu tư: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng

- Loại hợp đồng: Trọn gói;

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào giá trực tuyến rút gọn;

- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

Stt	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Mã Phần (lô)	Tên phần (lô)	Giá dự thầu cuối cùng (M)	Giá trúng thầu	Tổng giá trị trúng thầu của từng nhà thầu	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Công ty TNHH đầu tư thương mại linh Sơn	0103 0207 13	PP2600 258777	Phần 1: Vật tư - Hóa chất dùng cho xét nghiệm chung	415.817.250	415.817.250	415.817.250	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
2	Công ty TNHH Hoàng Oánh	0200 4237 32	PP2600 258778	Phần 2: Vật tư - Hóa chất dùng cho hỗ trợ sinh sản	54.678.400	54.678.400	403.094.159		
3	Công ty TNHH Hoàng Oánh	0200 4237 32	PP2600 258779	Phần 3: Hóa chất -Sinh phẩm xét nghiệm Sinh hoá.	118.247.490	118.247.490			
4	Công ty TNHH Hoàng Oánh	0200 4237 32	PP2600 258780	Phần 4: Hóa chất - Sinh phẩm xét nghiệm Huyết học.	230.168.269	230.168.269			
Tổng cộng. Bằng chữ: <i>Tám trăm mười tám triệu, chín trăm mười một ngàn, bốn trăm linh chín đồng./.</i>							818.911.409		

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu

Stt	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
1	Công ty TNHH y tế ROCO	0201978198	Phần 4: Hóa chất - Sinh phẩm xét nghiệm Huyết học.	Nhà thầu xếp hạng 02

4. Thông tin về hàng hóa, trúng thầu:

Thông tin về hàng hóa, vật tư, hoá chất, sinh phẩm trúng thầu: *(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo.)*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Hội đồng mua sắm vật tư, hóa chất, sinh phẩm, Tổ Chuyên gia, Tổ Thẩm định, Khoa Dược- Vật tư y tế, Phòng Tài chính- Kế toán, Phòng Kế hoạch- Nghiệp vụ, Khoa sức khỏe sinh sản, Khoa xét nghiệm chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng, Khoa bệnh nghề nghiệp, Phòng khám đa khoa căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Hội đồng mua sắm vật tư, hóa chất, sinh phẩm, Tổ Chuyên gia, Tổ Thẩm định, Khoa Dược- Vật tư y tế, Phòng Tài chính- Kế toán, Phòng Kế hoạch- Nghiệp vụ, Khoa sức khỏe sinh sản, Khoa xét nghiệm chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng, Khoa bệnh nghề nghiệp, Phòng khám đa khoa chịu trách nhiệm thi hành./.

(Quyết định này thay thế cho QĐ số:1175 /QĐ-KSBT đã ban hành ngày 24/07/2026)

Nơi nhận:

- Như **Điều 3**;
- Lưu: VT, HĐMSHCVTSP. (Long)

GIÁM ĐỐC

Đồng Trung Kiên

Phụ lục 1
THÔNG TIN HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ của hàng hóa	Năm sản xuất	Phân loại trang thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật, quy cách	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	PP2600258777, Phần 1: Vật tư - Hóa chất dùng cho xét nghiệm chung														
1.1			Dung dịch vệ sinh tay sát khuẩn thường quy dùng trong y tế	Chai	75	ALFASE PT CLEANSER 2	AF20 2005	Lavitec	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec	Việt Nam	≥2025	Không áp dụng	Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 2,0 % (w/w), Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate, Chất hoạt động bề mặt: Lauryl amine oxide, Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside,, Chất khóa ion nước cứng: EDTA Disodium, Chất làm đặc, hương liệu, Đạt tiêu chuẩn EN 1499; Quy cách: 500ml/chai	74.000	5.550.000
1.2			Povidon 10%	Chai	106	ASI- IODINE	ASI- IODINE	Minh Hưng	Công ty Cổ phần Dược phẩm Minh Hưng	Việt Nam	≥2025	Không áp dụng	Chế phẩm sát khuẩn da trong phẫu thuật. tiêm chích. chọc dò. đặt catheter. Povidone Iodine 10% kl/tt. Lọ ≥ 100ml.; Quy cách: 500ml/chai	74.000	7.844.000
1.3			Dung dịch ngâm dụng cụ mức độ cao	Can	14	MEGASE PT GTA EXTRA	MG24 5050	Lavitec	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec	Việt Nam	≥2025	C	Thành phần: Glutaraldehyde ≥ 2.55 % (w/w). hệ đệm pH= 5-6. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 10 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2. step 2) Vi khuẩn : EN 14561 Nấm. mốc : EN 14562 Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563 Thời gian đồ ra chậu ngâm: Tối đa 30 ngày Test thử đi kèm tương thích với	399.000	5.586.000

													sản phẩm. nồng độ hoạt chất có tác dụng tối thiểu: 1.5%(w/w). Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương.; Quy cách: 5 lít/can		
1.4			Viên khử khuẩn	Hộp	24	Germisep	Germisep	Hovid Bhd	HOVID BERHAD (Hovid Bhd)	Malaysia	≥2025	Không áp dụng	Viên nền khử khuẩn - dạng viên sủi - hòa tan nhanh trong nước tạo dung dịch acid hypochlorous (HOCl) cho tác dụng diệt khuẩn tối ưu nhất. Dạng hypochlorous acid không phân ly có tác dụng diệt các mầm bệnh dựa trên cơ chế chlorine hóa màng protein và hệ thống enzyme.; Quy cách: 100 viên/hộp	441.000	10.584.000
1.5			Gia ven	Lít	200	Javen	Javen	Thuận Phát	Công ty TNHH Hóa chất và Trang thiết bị y tế Thuận Phát	Việt Nam	≥2025	Không áp dụng	Nước giaven; Quy cách: Can 20 lít	16.200	3.240.000
1.6			Bộ nhuộm Gram	bộ	9	MELAB Color Gram Set	B2509 00	Semind	Công ty Cổ phần Semind	Việt Nam	≥2025	A	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 250ml. Lugol chai 250ml. Decolor (alcohol-acetone) chai 250ml và Safranin chai 250ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 4 chai x 250ml; Quy cách: Bộ 4 chai 250ml	798.000	7.182.000

1.7			Giêm sa	Chai	12	Giemsa	RRSP 54-E	Atom Scientific	Atom Scientific Ltd	Anh	≥2025	A	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Giemsa; Quy cách: Chai 1 lít	1.500.000	18.000.000
1.8			Hoá chất Xanh Cresyl	ml	500	Brilliant cresyl blue solution	Brilliant cresyl blue solution	Merck	Merck KGaA	Đức	≥2025	Không áp dụng	Dùng trong xét nghiệm huyết đồ; Quy cách: 100ml/ Lọ	12.000	6.000.000
1.9			Nước muối sinh lý Natri clorid 0.9%	Chai	60	Natri clorid 0.9%	Natri clorid 0.9%	Thuận Phát	Công ty TNHH Hóa chất và Trang thiết bị y tế Thuận Phát	Việt Nam	≥2025	A	Thành phần: Natri clorid 0.9%; Quy cách: Chai 500ml	6.500	390.000
1.10			Nước cất (Can 10 lít)	Can	10	Nước cất 2 lần	Nước cất 2 lần	Thuận Phát	Công ty TNHH Hóa chất và Trang thiết bị y tế Thuận Phát	Việt Nam	≥2025	Không áp dụng	Nước cất 2 lần. không màu. không mùi; Quy cách: 10 lít/can	162.000	1.620.000
1.11			Cồn 96 độ	Lít	200	Cồn 96 độ	CE96°	Thuận Phát	Công ty TNHH Hóa chất và Trang thiết bị y tế Thuận Phát	Việt Nam	≥2025	B	Trong suốt. không màu có mùi đặc trưng; Quy cách: Can 10 lít	45.000	9.000.000
1.12			Cồn 90 độ	Chai	47	Cồn 90 độ	CE90°	Thuận Phát	Công ty TNHH Hóa chất và Trang thiết bị y tế Thuận Phát	Việt Nam	≥2025	B	Cồn 90 độ. trong suốt. không màu. có mùi đặc trưng. Chai 500ml; Quy cách: Chai 500ml	42.000	1.974.000
1.13			Cồn 70° 500 ml/chai	Chai	77	Cồn 70 độ	CE70°	Thuận Phát	Công ty TNHH Hóa chất và Trang thiết bị y	Việt Nam	≥2025	B	Cồn 70 độ. trong suốt. không màu. có mùi đặc trưng Chai 500ml; Quy cách: 500 ml/chai	22.000	1.694.000

									tế Thuận Phát						
1.14			Khẩu trang y tế dùng 1 lần	Hộp	118	Khẩu trang y tế 4 lớp vô trùng	KTYT 6	An Lành	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Lành	Việt Nam	≥2025	A	"- Khẩu trang giấy kháng khuẩn 4 lớp gồm 02 lớp vải không dệt và ở giữa là các lớp lọc kháng khuẩn >99 % (metlblown). - Vải không dệt + Giấy lọc kháng khuẩn dùng trong y tế không thấm nước. không độc hại. có tác dụng lọc khí. ngăn cản bụi. vi khuẩn. - Thanh tựa mũi: bằng nhựa định hình. an toàn khi sử dụng. quai đeo mềm không gây kích ứng da. Đạt iêu chuẩn EN ISO 13485:2016-TUV; ISO 9001 :2015."; Quy cách: 10 cái/ túi x 50 cái/hộp	44.000	5.192.000
1.15			Bông thấm nước y tế	Kg	102	Bông y tế thấm nước 1kg	BYT1	An Lành	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Lành	Việt Nam	≥2025	A	Bông y tế thấm nước. 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng. không mùi. mềm mịn. dai. không bị toi và có độ thấm hút rất cao. Bông dạng dài. được cuộn thành cuộn chắc. đáp ứng yêu cầu của người sử dụng. Không độc tố và không gây dị ứng. không có tinh bột. không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ acid và độ kiềm: Trung tính; Hàm lượng chất béo: Không vượt quá 0.5%. Các chất tan trong nước: ≤ 0.5%; Độ ẩm: ≤ 8%; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương.; Quy cách: Túi 1kg	130.000	13.260.000
1.16			Bông không thấm	Kg	40	Bông không thấm nước	BKTH H1KG	Hiệp Hưng	Công ty TNHH sản xuất và thương	Việt Nam	≥2025	A	Bông được làm từ 100% bông tự nhiên không thấm nước; Quy cách: 1 kg/ gói	130.000	5.200.000

									mại Hiệp Hưng						
1.17			Bông y tế (cắt miếng)	Gói	10	Bông cắt 2x2 (500g)	BHN9	An Lành	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Lành	Việt Nam	≥2025	A	Làm từ bông y tế thấm nước 100% sợi cotton (bông xơ tự nhiên). kích thước 2cm x 2cm. Gói ≥ 500g; Quy cách: 500g/ gói	105.000	1.050.000
1.18			Que đê lưỡi gỗ	hộp	30	Que đê lưỡi gỗ Tanaphar	ĐLG. TNP	Tanaphar	Công ty CP Tanaphar	Việt Nam	≥2025	A	Chất liệu gỗ. Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. Được tiệt trùng; Quy cách: 100 que/Hộp	30.000	900.000
1.19			Bao cao su	Hộp	5	Bao cao su	Happy	Merufa	Công ty Cổ phần Merufa	Việt Nam	≥2025	C	Làm bằng latex tự nhiên. trong mờ. không màu. không mùi. Chiều dài: 170 mm; Chiều rộng: 52 mm ± 2 mm. Độ dày: 0.065mm ±0.015mm. Độ nhớt: 200-350 CS.; Quy cách: 144 cái/hộp	120.000	600.000
1.20			Găng tay Phẫu thuật (dài) Size 7	Đôi	4.000	Găng phẫu thuật cổ tay dài các loại	GPTC TD	Merufa	Công ty Cổ phần Merufa	Việt Nam	≥2025	B	Sản xuất từ cao su thiên nhiên. có phủ bột chống dính. không gây kích ứng da. Tiệt trùng bằng khí EO. đóng gói mỗi túi/ đôi. Có cỡ 7.0. Chiều dài: 450. chiều rộng lòng bàn tay size 7: 89±5mm; cường lực khi đứt trước lão hoá min 12.5N. sau lão hoá min 9.5N. Độ giãn đứt trước lão hoá min 700%. sau lão hoá min 550%. lượng bột max 80mg /đôi. Lượng protein max 200g/dm2. Tiêu chuẩn ISO 13485.; Quy cách: 40 đôi/hộp	15.100	60.400.000

1.21			Găng khám bệnh (găng tay cao su y tế)	Đôi	24.500	Găng kiểm tra dùng trong y tế	GKTC B	Merufa	Công ty Cổ phần Merufa	Việt Nam	≥2025	A	Sản xuất từ cao su thiên nhiên. có phủ bột chống dính. không gây kích ứng da. thuận cho cả tay trái và tay phải. chiều dài min 220mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp áp dụng cho các cỡ: 0.08mm. Lực kéo đứt tối thiểu trước già hóa: ≥7.0 N. sau già hóa: ≥ 6.0 N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước già hóa: 650%. sau già hóa: 500%. Lượng bột : ≤ 10mg/dm ² . Hàm lượng Protein dưới 200 µg/dm ² . Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương; Quy cách: 50 đôi/hộp	1.500	36.750.000
1.22			Găng tay cao su y tế Size M. L	Đôi	6.900	Găng tay không bột	GKT KB	Merufa	Công ty Cổ phần Merufa	Việt Nam	≥2025	A	Sản xuất từ cao su thiên nhiên. có phủ bột chống dính. không gây kích ứng da. có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải. chiều dài min 220mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp áp dụng cho các cỡ: 0.08mm. Lực kéo đứt tối thiểu trước già hóa: ≥7.0 N. sau già hóa: ≥ 6.0 N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước già hóa: 650%. sau già hóa: 500%. Lượng bột trung bình: 2.2mg/dm ² . Hàm lượng Protein bình quân: 36µg/dm ² . Có tiêu chuẩn Việt Nam. TCVN 6343-1:2007 (ISO 11193-1:2002). ASTM D3578-05; EN 455. ISO 9001:2015; ISO 13485:2017.; Quy cách: 50 đôi/hộp	1.700	11.730.000

1.23			Bơm tiêm 1ml	Chiếc c	100	Bơm tiêm MPV sử dụng một lần 1ml	BTK1 : MPV	MPV	Công ty Cổ phần nhựa y tế Việt Nam	Việt Nam	≥2025	B	- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết ≤ 0.03ml. khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O); Quy cách: Túi 1 chiếc	730	73.000
1.24			Bơm tiêm 5ml Kim các cỡ 23Gx1". 25Gx1"	Chiếc c	11.1 00	Bơm tiêm MPV sử dụng một lần 5ml	BTK5 : MPV	MPV	Công ty Cổ phần nhựa y tế Việt Nam	Việt Nam	≥2025	B	- Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1". 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.; Quy cách: 100 chiếc/hộp	730	8.103.000
1.25			Ống hút điều kinh dk - số 4	Ống	1.20 0	Ống hút điều kinh số 4	số 4	Nhựa y tế Sài Gòn	Công ty TNHH Nhựa y tế Sài Gòn	Việt Nam	≥2025	B	Ống hút điều kinh - size:4; Quy cách: 1cái/túi	3.750	4.500.000

1.26			Ông hút ngoại số 5	Ông	55	Ông hút điều kinh số 5	số 5	Nhựa y tế Sài Gòn	Công ty TNHH Nhựa y tế Sài Gòn	Việt Nam	≥2025	B	Ông hút điều kinh số 5. khử trùng bằng ethylene oxide. dùng trong sinh sản; Quy cách: 1 ống/túi	3.750	206.250
1.27			Ông hút ngoại số 6	Ông	40	Ông hút điều kinh số 6	số 6	Nhựa y tế Sài Gòn	Công ty TNHH Nhựa y tế Sài Gòn	Việt Nam	≥2025	B	Ông hút điều kinh số 6. khử trùng bằng ethylene oxide. dùng trong sinh sản; Quy cách: 1 ống/túi	3.750	150.000
1.28			Ông hút ngoại số 7	Ông	3	Ông hút điều kinh số 7	số 7	Nhựa y tế Sài Gòn	Công ty TNHH Nhựa y tế Sài Gòn	Việt Nam	≥2025	B	Ông hút điều kinh số 7. khử trùng bằng ethylene oxide. dùng trong sinh sản; Quy cách: 1 ống/túi	30.000	90.000
1.29			Ông hút ngoại số 8	Ông	3	Ông hút điều kinh số 8	số 8	Nhựa y tế Sài Gòn	Công ty TNHH Nhựa y tế Sài Gòn	Việt Nam	≥2025	B	Ông hút điều kinh số 8. khử trùng bằng ethylene oxide. dùng trong sinh sản; Quy cách: 1 ống/túi	30.000	90.000
1.30			Gel siêu âm	Can	23	Gel siêu âm APM Sonic	APM-GS1	An Phú	Công ty Cổ phần Đầu tư y tế An Phú	Việt Nam	≥2025	A	Gel sử dụng trong siêu âm. phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng. Không có formaldehyde. không phát hiện vi khuẩn Staphylococcus. Pseudomonas aeruginosa. Không gây mẫn cảm hoặc rát da. gel trong. tan hoàn toàn trong nước. độ PH trong khoảng 6.5-7.5. Can 05 lít Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.; Quy cách: 5 lít/can	105.000	2.415.000
1.31			Giấy in Siêu âm Sony UPP - 110S	Cuộn	75	Giấy in kết quả siêu âm trắng đen	UPP-110S	Sony	Sony	Nhật Bản	≥2025	A	Giấy in siêu âm (110mm x 20m); Quy cách: 10 cuộn/hộp	150.000	11.250.000
1.32			Giấy in nhiệt 58mm x 30m	Hộp	2	Giấy in nhiệt 58mm x 30m	58mm x 30m	Hải Anh	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Giấy Hải Anh	Việt Nam	≥2025	Không áp dụng	Kích thước: 58mm x 30m; Quy cách: 10 cuộn/ Hộp	85.000	170.000
1.33			Ông thổi chức năng hô hấp: 24mm x 75mm	Ông	1.000	Ông thổi chức năng hô hấp	24mm x 75mm	Hải Anh	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Giấy Hải Anh	Việt Nam	≥2025	Không áp dụng	Size: 24mm x 75mm; Quy cách: 100 ống/hộp	1.950	1.950.000

									vụ Giấy Hải Anh						
1.34			Ống thổi chức năng hô hấp: 30mm x 70mm	Ống	3.000	Ống thổi chức năng hô hấp	30mm x 70mm	Hải Anh	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Giấy Hải Anh	Việt Nam	≥2025	Không áp dụng	Đường kính ống giấy: 30mm Chiều dài ống ngậm giấy: 70mm; Quy cách: 100 ống/hộp	2.100	6.300.000
1.35			Ống thổi chức năng hô hấp FlowMIR	Ống	60	Tua bin sử dụng cho máy đo chức năng hô hấp	Flow MIR	Etech Technology	Etech Technology Co., Ltd	Đài Loan	≥2025	B	- Đường kính ngoài: 33.3 mm - Đường kính trong: 30.5 mm - Chiều dài: 41.5 mm - Độ dày: 2 mm - Trọng lượng: 20.29 g Phần ngậm miệng: Ø 30mm Chất liệu: Polycarbonate, giấy / cellulose nguyên chất Không chứa Phthalates, Latex; Quy cách: 60 ống/hộp	80.000	4.800.000
1.36			Lam Kính (Loại trơn)	Hộp	142	Lam kính hiển vi, mài mờ	HD71 05	Jiangsu Huida	Jiangsu Huida Medical Instruments Co.,Ltd	Trung Quốc	≥2025	Không áp dụng	Chất liệu kính Soda vôi, kích thước 25.4*76.2mm, độ dày 1.0-1.2mm, mài mờ một đầu, bề mặt phẳng, không mốc.; Quy cách: 72 cái/hộp	22.500	3.195.000
1.37			La men	Hộp	30	Lamen 18x18mm	Lamen 18x18mm	Paul Marie nfeld	Paul Marienfeld GmbH & Co. KG	Đức	≥2025	A	Kích thước: 18 x 18mm Độ dày: 0.13-0.17 mm; Quy cách: 1000 miếng/hộp	560.000	16.800.000
1.38			Que lấy bệnh phẩm (Spatula)	Túi	18	Que lấy bệnh phẩm (Spatula)	SPA	Lạc Việt	Công ty TNHH Lạc Việt	Việt Nam	≥2025	A	Chất liệu bằng gỗ, Tiệt trùng; Quy cách: 100 que/túi	145.000	2.610.000
1.39			Que tăm bông lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm	Que	3.500	Que lấy mẫu bệnh phẩm cán gỗ	RY-W001	Rongye	Jiangsu Rongye Technology Co., Ltd	Trung Quốc	≥2025	A	Chất liệu ống, nắp, bằng nhựa, que bằng gỗ, đầu cotton, chiều dài 175mm. Đóng gói riêng từng chiếc, tiệt trùng bằng EO Gas. Được sử dụng để thu thập, lưu trữ, truyền mẫu vật. Được sử dụng rộng rãi trong nha khoa, da liễu, phụ khoa, tiết niệu và các	1.500	5.250.000

													mẫu bệnh phẩm khác.; Quy cách: 100 que/túi		
1.40			Tăm bông tiết trùng	Chiếc	1.000	Que lấy mẫu bệnh phẩm cán gỗ	RY-W001	Rongye	Jiangsu Rongye Technology Co., Ltd.	Trung Quốc	≥2025	A	- Que tăm bông được tiết trùng bằng khí E.O. đóng gói riêng lẻ từng chiếc trong mỗi ống nhựa. chiều dài tối đa 18cm - Thân que làm bằng gỗ mịn. không cứng. không cong vênh. không mùi; một đầu que gắn chặt với nắp ống màu đỏ. nắp làm từ nhựa PP không gây độc hại; một đầu cuốn bông. Đầu bông được làm từ sợi cotton hoặc viscose. mềm. không rụng sợi. có khả năng thấm hút tốt - Dùng để lấy mẫu dịch âm đạo. cổ tử cung hoặc dịch tiết sinh dục - Tiêu chuẩn áp dụng: ISO 13485; Quy cách: 100 chiếc/túi	1.500	1.500.000
1.41			Kim chích máu	Hộp	18	Kim chích máu. loại đầu xoay	CY-133B	Chengwu	Shandong Chengwu Medical Products Factory	Trung Quốc	≥2025	B	Đầu kim thép không rỉ vát ba đầu sắc nhọn. dùng với bút chích máu. giúp lấy máu không đau. Cỡ kim 28G. Tiết trùng bằng tia Gamma. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.; Quy cách: 100 cái/hộp	17.500	315.000
1.42			Ống nghiệm 5ml	Ống	14.000	Ống nghiệm PS có nắp	PSN-5	An Phú	Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế An Phú	Việt Nam	≥2025	A	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PS. kích thước ≥12x75mm. có nắp; Quy cách: 500 ống/ Túi	350	4.900.000
1.43			Ống nghiệm 5ml	Ống	40	Ống nghiệm PP có nắp	PN-5	An Phú	Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế An Phú	Việt Nam	≥2025	A	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP. kích thước ≥12x75mm. có nắp; Quy cách: 1ống/túi	450	18.000

1.44			Ống nghiệm chống đông EDTA	Ống	8.200	Ống nghiệm EDTA (K2)	E2-012	An Phú	Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế An Phú	Việt Nam	≥2025	A	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP. kích thước ống ≥ 12x75mm. Nắp xanh dương bằng nhựa LDPE. nắp đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c...). Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 1ml hoặc 2ml máu với vạch lấy mẫu 1ml hoặc 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Có phiếu phân tích chất lượng của cơ quan chức năng kiểm định với nồng độ muối EDTA phải ở trong khoảng từ 1.2 mg đến 2mg EDTA khan trên 1ml máu. và chịu được lực quay ly tâm gia tốc ≥ 6000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương.; Quy cách: 100 cái/khay	630	5.166.000
1.45			Ống nghiệm Heparin	Ống	1.600	Ống nghiệm Heparin (Lithium)	HL-012	An Phú	Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế An Phú	Việt Nam	≥2025	A	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP. nắp bằng nhựa LDPE đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Lithium Heparin dưới dạng hạt sương. Kích thước ống ≥ 12x75mm. có vạch định mức lấy mẫu. chịu được lực quay ly tâm ≥ 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10	780	1.248.000

													phút. có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương.; Quy cách: 100 ống/khay		
1.46			Ống nghiệm 15ml đáy nhọn	Ống	1.300	Ống ly tâm Falcon 15ml đáy nhọn	HSCT 04-S	Henso	Henso Medical (Hangzhou) Co., Ltd.	Trung Quốc	≥2025	Không áp dụng	Nhựa PP vô khuẩn loại ống có nắp; Quy cách: 100 ống/Túi	1.850	2.405.000
1.47			Ống nghiệm nhựa Falcol 50mL	Cái	2.500	Ống ly tâm Falcon 50ml đáy nhọn	HSCT 05	Henso	Henso Medical (Hangzhou) Co., Ltd.	Trung Quốc	≥2025	Không áp dụng	Chất liệu nhựa PP. nắp xoáy cùng loại. Dung tích: 50ml. Kích thước 30x120mm. Chịu được lực ly tâm tới 6000 RCP. Thân ống chia vạch màu xanh. Hấp diệt trùng tại 121 độ C. Không chứa nội độc tố.; Quy cách: túi 50 cái	2.200	5.500.000
1.48			Đầu côn 1000μl	Cái	500	Đầu côn xanh	HDT G03	Jiangsu Huida	Jiangsu Huida Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	≥2025	Không áp dụng	Thể tích làm việc 100μl. – 1000μl. Chất liệu bằng nhựa PP; Quy cách: 500 cái/ túi	76	38.000
1.49			Đầu côn 200μl	Cái	1.000	Đầu côn vàng	HDT G02	Jiangsu Huida	Jiangsu Huida Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	≥2025	Không áp dụng	Thể tích làm việc 20μl. – 200μl. Chất liệu bằng nhựa PP; Quy cách: 1.000 cái/ túi	40	40.000
1.50			Đầu côn 10 μL	Hộp	15	Đầu côn trắng	HDT G01	Jiangsu Huida	Jiangsu Huida Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	≥2025	Không áp dụng	Thể tích làm việc 0.1μl. – 10 μL. chiều dài ~33–40 mm.; Quy cách: 1000 c/ túi	34.000	510.000
1.51			Dầu soi kính	ml	1.500	Dầu soi kính hiển vi	Immersion oil	Merck	Merck KGaA	Đức	≥2025	Không áp dụng	Dầu soi kính hiển vi; Quy cách: Chai 100ml or 500ml	3.200	4.800.000

1.52			Máy đo huyết áp điện tử	cái	6	Máy đo huyết áp điện tử K2-2015M	K2-2015 M	Nihon Seimitsu Sokki	Nihon Seimitsu Sokki Co., Ltd	Nhật Bản	≥2025	B	Đeo bắp tay. Dải đo: - Huyết áp (0 - 299mmHg); - Nhịp tim (40 ~ 180 nhịp/phút) Độ chính xác: - Huyết áp (± 3mmHg) - Nhịp tim (± 5%); Quy cách: 1 cái/hộp	1.100.000	6.600.000
1.53			Ống nghe y tế	cái	2	Ống nghe 2 mặt	CK-601P	Spirit	Spirit Medical Co., Lt	Đài Loan	≥2025	A	Mặt nghe và quai nghe làm từ hợp kim kẽm mạ crom. Tai nghe bằng cao su dẻo. Quai nghe có góc độ phù hợp, giúp tai nghe khít sát mà không gây đau Chuông nghe dùng để nghe âm thanh có tần số trung bình hoặc thấp, màng nghe dùng để nghe âm thanh có tần số cao. Chuyển đổi giữa màng nghe và chuông nghe bằng cách xoay mặt nghe 180 độ cho đến khi nghe tiếng cạch. Dây nghe bọc PVC mềm cho khả năng cách âm và truyền âm tốt, không chứa cao su thiên nhiên; Quy cách: 1 cái/hộp	437.000	874.000
1.54			Test XN NT 10 TS (Que thử phân tích nước tiểu 10 thông số)	Hộp	67	Que thử phân tích nước tiểu 10 thông số	U031-101	ACON	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd	Trung Quốc	≥2025	B	Dùng cho các máy phân tích nước tiểu Mission Có bước sóng 525 nm và 635 nm, có thể đọc bằng mắt. Đo các chỉ số : Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose (LEU/ NIT/ URO/ PRO/ pH/ BLO/ SG/ KET/ BIL/ GLU). Dạng que. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA; Quy cách: 100 test/ hộp	170.000	11.390.000

1.55			Chẩn đoán thai sớm	Hộp	2	hCG Pregnancy Rapid Test Strip (Urine)	L031- 20111	ACO N	ACON Biotech (Hangzho u) Co.. Ltd.	Trung Quốc	≥2025	B	Que thử định tính phát hiện hCG trong nước tiểu của người - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 100% - Độ chính xác tương quan: 100%. Ngưỡng phát hiện: 25 mIU/mL. Không bị phản ứng chéo bởi các chất sau: LH (500 mIU/mL), FSH (1000 mIU/mL) và TSH (1000 µIU/mL) Không bị gây nhiễu bởi các chất: Acetaminophen (20 mg/dL). Caffeine (20 mg/dL). Glucose (2 g/dL). Hemoglobin (1 g/dL). Đọc kết quả tại phút thứ 3; Quy cách: 50 test/ hộp	90.000	180.000
1.56			Test Chlamydia	Test	800	Chlamydia Rapid Test Device	CHL- S23	Assur e	Assure Tech. (Hangzho u) Co.. Ltd.	Trung Quốc	≥2025	C	Phát hiện định tính kháng nguyên Chlamydia trong mẫu bệnh phẩm cổ tử cung nữ, mẫu niệu đạo nam và mẫu nước tiểu nam. Độ nhạy: ≥90% Độ đặc hiệu: ≥90% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Quy cách: 20 test/hộp	18.750	15.000.000

1.57			Test nhanh HIV1/2 Ab Rapid Test Strips	Test	1.400	HIV 1/2/O Rapid Test Strip (Serum/Plasma/Whole Blood)	L031-10121	ACON N	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd	Trung Quốc	≥2025	D	Que thử xét nghiệm sử dụng để định tính phát hiện kháng thể kháng HIV-1, HIV-2 và nhóm O trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương. Thành phần: - Màng: kháng nguyên HIV tái tổ hợp bao gồm gp41, gp36 và kháng nguyên tái tổ hợp HIV-O. - Lớp cộng hợp: hạt vàng liên hợp với kháng nguyên tái tổ hợp gp41, gp36 và HIV-O. - Vạch kết quả: các kháng nguyên HIV-1 0.408ug, HIV-2 0.272ug, HIV-O 0.138ug. - Vạch chứng: kháng thể dê kháng thể IgG 0.340ug Ống chống đông máu như heparin, EDTA và sodium citrate không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm Hiệu quả chẩn đoán so với phương pháp HIV EIA: - Độ nhạy tương quan: 100%% - Độ đặc hiệu tương quan: 99.0% - Độ chính xác tương quan: 99.3% - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: >99% Đọc kết quả ở phút thứ 10; Quy cách: 50 Test/Hộp	9.450	13.230.000
------	--	--	--	------	-------	---	------------	--------	----------------------------------	------------	-------	---	---	-------	------------

1.58			Test Viêm gan B	Test	700	HBsAg Rapid Test Strip (Serum/Plasma/Whole Blood)	L031-10221	ACON N	ACON Biotech (Hangzhou) Co., Ltd	Trung Quốc	≥2025	D	Que thử xét nghiệm sắc ký miễn dịch. định tính phát hiện kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B trong mẫu máu toàn phần. huyết thanh hoặc huyết tương. Thành phần: - Vùng cộng hợp: Kháng thể kháng HBsAg 0.35ug, kháng thể IgG thô 0.233ug - Vạch kết quả: Kháng thể kháng HBsAg 0.514ug - Vạch chứng: Kháng thể IgG dê kháng thô 0.428ug Ngưỡng phát hiện (LOD): 0.92ng/mL - Độ nhạy tương quan: : 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 99.7% - Độ chính xác tương quan: 99.8% Không có phản ứng chéo với: yếu tố dạng thấp RF. vi rút viêm gan D. vi rút viêm gan E. vi rút viêm gan G. Không bị gây nhiễu bởi các chất sau: Methyropa. dextran. acetylsalicylic acid. furosemide. indomethacin. nicotinic acid. probenecid. quindine hydrochloride monhydrate. sulfamethoxazole. Đọc kết quả ở phút thứ 10; Quy cách: 50 Test/Hộp	4.800	3.360.000
------	--	--	-----------------	------	-----	---	------------	--------	----------------------------------	------------	-------	---	--	-------	-----------

1.59			Test nhanh Viêm gan A (HAV) IgM	Test	350	Bioline™ HAV IgG/IgM	13FK 10	Abbott t Diagn ostics	Abbott Diagnostics Korea Inc	Hàn Quốc	≥2025	B	Test thử nhanh đồng thời phát hiện và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng vi rút viêm gan A ở huyết thanh hoặc huyết tương người với 3 vạch được phủ sẵn trên bề mặt màng: “G” (vạch thử HAV IgG), “M” (vạch thử HAV IgM) và “C” (vạch chứng). - Độ nhạy 97.6% và độ đặc hiệu là 98% - Thẻ tích sử dụng huyết thanh hoặc huyết tương chỉ là 5 µL và thời gian đọc kết quả là 20 phút - 1 test thử bao gồm: - Phức hợp vàng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng vi rút viêm gan A - keo vàng (1.0±0.2 µg) - Vạch thử “G”: Kháng thể đơn dòng chuột kháng IgG người (0.640 ± 0.128 µg) - Vạch thử “M”: Kháng thể đơn dòng chuột kháng IgM người (0.224 ± 0.045 µg) - Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG chuột (0.640±0.128 µg) - Tiêu chuẩn ISO. CE. CFS EU; Quy cách: Hộp 25 test	120.000	42.000.000
------	--	--	------------------------------------	------	-----	----------------------------	------------	--------------------------------	------------------------------------	-------------	-------	---	--	---------	------------

1.60			Test nhanh Viêm gan E (HEV) IgM	Test	350	HEV IgG/IgM Rapid Test Device	D- HEV D20	Rapid	Rapid Labs Limited	Anh	≥2025	B	Khay thử xét nghiệm nhanh dùng để phát hiện định tính các kháng thể (IgG và IgM) kháng virus viêm gan E trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Xét nghiệm nhanh HEV IgG/IgM (Huyết thanh/Huyết tương) đã được so sánh với xét nghiệm ELISA HEV IgG/IgM thương mại hàng đầu; kết quả cho thấy xét nghiệm nhanh HEV IgG/IgM (Huyết thanh/Huyết tương) có độ nhạy và độ đặc hiệu cao. - Đối với kháng thể IgG kháng HEV: + Độ nhạy tương đối: 100% + Độ đặc hiệu tương đối: 100% + Độ chính xác: 100% - Đối với kháng thể IgM kháng HEV: + Độ nhạy tương đối: 100% + Độ đặc hiệu tương đối: 100% + Độ chính xác: 100% Khay thử chứa các hạt kháng nguyên HEV. kháng thể chuột kháng IgM người và kháng thể chuột kháng IgG người được cố định trên màng.; Quy cách: 20 Test/ Hộp	38.000	13.300.000
1.61			Test nhanh Heroin- Morphine- Opiates	Test	200	Trueline ™ MOP Morphine Rapid Test Strip	DMO- 101 (0500 3K1)	Medic on	Công ty TNHH Medicon	Việt Nam	≥2025	B	Định tính phát hiện Morphine trong nước tiểu của người. Hoạt chất chính: Kháng thể kháng MOP. cộng hợp MOP-BSA Ngưỡng phát hiện (cut off) 300 ng/ml. - Độ nhạy tương quan 100%. - Độ đặc hiệu tương quan 100%. - Độ chính xác tương quan 100%. - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp 100% Không bị gây nhiễu bởi các chất	4.200	840.000

													sau tại nồng độ 100 µg/mL: 4-Acetamidophenol. N-Acetylprocainamide. Ampicillin. Aspartame. Đọc kết quả tại 5 phút; Quy cách: 50 Test/Hộp		
1.62			Test xét nghiệm kháng nguyên HBs	Test	50	Trueline TM HBsAg Rapid Test	IHBsg -301	Medicon	Công ty TNHH Medicon	Việt Nam	≥2025	D	Định tính phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Hoạt chất chính: Cặp kháng thể kháng HBsAg. - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 100% - Độ chính xác tương quan: 100%. - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100% Ngưỡng phát hiện (LOD) : 1 ng/mL. Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính HAV. HCV. Dengue. HIV. RF. Syphilis. TB. H.pylori. Không bị gây nhiễu bởi Sodium citrate nồng độ 3.8% và EDTA nồng độ 3.4 µmol/L Phân loại BYT: D Đọc kết quả tại 15 phút.; Quy cách: 50 Test/Hộp	3.400	170.000

1.63			Kit thử nhanh phát hiện kháng thể HBs	Test	50	Trueline™ HBsAb Rapid Test	IHBsb-302	Medicon	Công ty TNHH Medicon	Việt Nam	≥2025	D	Định tính phát hiện kháng thể HBsAb trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Hoạt chất chính: Các kháng nguyên HBsAg tái tổ hợp (Lab HBsAg, kháng nguyên HBsAg). - Độ nhạy tương quan: 100%; - Độ đặc hiệu tương quan: 98.7% ; - Độ chính xác tương quan: 99.5%; Không bị phản ứng chéo với các mẫu dương tính yếu tố dạng thấp (RF). HAV. Syphilis. HIV. H. pylori. CMV. Rubella. Phân loại BYT: D Đọc kết quả tại 15 phút. "; Quy cách: 40 Test/Hộp	14.700	735.000
2	PP2600258778: Phần 2: Vật tư - Hóa chất dùng cho hỗ trợ sinh sản														
2.1			Pasteur Pipettes	Cái	100	Pipet nhỏ giọt bằng nhựa 3ml	30-0138A 1	BIOL OGIX	BIOLOGI X	Trung Quốc	≥2025	Không áp dụng	Chất liệu Nhựa/ hút tinh trùng Quy cách: 500 chiếc/ Hộp; Quy cách: 500 chiếc / hộp	2.380	238.000
2.2			Dụng cụ bơm tinh trùng Gynetic. (Cần bơm Gynetics)	Hộp	1	Smooze Long (Dụng cụ bơm tinh trùng vào buồng tử cung)	#4225	Gynetics	Gynetics	Bỉ	≥2025	A	- Đầu ít gây tổn thương cho buồng cổ tử cung. - Có khóa cho các trường hợp dùng với bơm tiêm. - Chiều dài ống bơm 20cm (không bao gồm tay cầm) - Kích thước: + Chiều dài bao gồm cả tay cầm: 230 mm (+2mm) + Đường kính ngoài: 2 mm ± 0.05 mm. - Tiêu chuẩn ISO 9001. ISO 13485. ; Quy cách: 25 cái/ Hộp	4.798.500	4.798.500

2.3			Sil-Select Plus	kit	4	Sil-Select Plus (chất thử chuẩn đoán. chất lọc rửa tinh trùng và trứng)	SIP020	Fertipro	Fertipro	Bi	≥2025	C	Sil- Select Plus + pH: 7.20 - 7.60; +Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280-310 (Upper layer) 290-330(Lower layer) +Sàng lọc nấm. vi khuẩn: Âm tính; + Nội độc tố vi khuẩn [EU/ml]: < 0.5 +Thử nghiệm khả năng sống sót của tinh trùng [%]: ≥ 80; +Ti trọng: 1.0500-1.0700(Upper Layer) 1.1050-1.1150g/ml(Lower layer) ; Quy cách:2x20ml/kit	2.730.000	10.920.000
2.4			FertiCult	Hộp	4	FertiCul Flushing medium (chất thử chuẩn đoán. chất lọc rửa tinh trùng và trứng)	FLUS H020	Fertipro	Fertipro	Bi	≥2025	C	pH= 7.3-7.9 Nội độc tố: < 0.25EU/ml Độ thẩm thấu 270-290 mOsm/kg .Kiểm tra khả năng sống của tinh trùng >80% Đóng gói: 5 lọ x20ml/ hộp ; Quy cách:5 lọ x20ml	2.730.000	10.920.000

2.5			Bộ Beta HCG	Hộp	6	Beta-HCG ELISA	EIA-1911	DRG Instruments GmbH - ĐỨC	DRG Instruments GmbH - ĐỨC	Đức	≥2025	B	Bộ xét nghiệm β-hCG ELISA của hãng DRG là một xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme dùng cho chẩn đoán “in vitro” định lượng chorionic gonadotropin người (hCG và β-hCG) trong huyết thanh. - Thành phần gồm: ● Khay vi giếng: 96 giếng ● Chất chuẩn (Chuẩn 0-5): 6 lọ x 1 mL/lọ nồng độ: 0. 5. 25. 20. 100. 200 mIU/m ● Dịch pha loãng mẫu: 1 lọ. 10 mL ● Enzyme liên hợp: 1 lọ. 11 mL ● Dung dịch cơ chất: 1 lọ. 14 mL ● Dung dịch dừng phản ứng: 1 lọ. 14 mL - Loại mẫu: huyết thanh - Thể tích mẫu: 25μl - Thời gian ủ theo từng đợt: 60/15 phút - Khoảng xét nghiệm: 0.44 – 200 mIU/mL - Độ nhạy phân tích: < 1 mIU/mL - Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm. - Độ lặp lại CV ≤ 8.9 - Độ tái lập CV ≤ 9.9 - Không có hiệu ứng hook liều cao nào được ghi nhận - Bảo quản: 2-8 °C - Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.; Quy cách: 96 test/hộp	4.633.650	27.801.900
3	PP2600258779: Phần 3: Hóa chất -Sinh phẩm xét nghiệm Sinh hoá.														

3.1			Hoá chất xét nghiệm định lượng Glucose	Hộp	17	Glicemia enzimática AA líquida	1009803	Wiener Lab	Wiener Laboratorios S.A.I.C	Argentina	≥2025	B	Giới hạn phát hiện tối thiểu là 0.54 mg / dl Độ tuyến tính: ≥ 500mg/dl Độ lặp lại (Intra-assay precision): ≤ 1.39% Độ tái lặp (Inter-assay precision): CV ≤ 1.92% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 160ml (4x40ml); Quy cách: 160ml (4x40ml)	829.920	14.108.640
3.2			Hoá chất sinh hóa định lượng protein toàn phần	Hộp	2	Protéinas Totales AA	1690009	Wiener Lab	Wiener Laboratorios S.A.I.C	Argentina	≥2025	B	13 mmol/l EDTA/Cu complex 875 mmol/l Sodium hydroxide and alkyl aryl polyether (AAP) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Giới hạn phát hiện tối thiểu là 0.01 g/dl Độ tuyến tính tới ≥ 17mg/dl Hộp ≥ 720 mL (6x120mL) ; Quy cách: 720 mL (6x120mL)	1.317.750	2.635.500
3.3			Hoá chất sinh hóa định lượng Creatinin	Hộp	3	Creatinina cinética AA líquida	1260360	Wiener Lab	Wiener Laboratorios S.A.I.C	Argentina	≥2025	B	≥ 12.7 mmol/l picric acid ≥ 8.4 mmol/l sodium lauryl sulphate solution. Giới hạn phát hiện: ≤ 4.5 mg/l Độ tuyến tính tới ≥ 90 mg/l Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 250ml (2x100ml + 2x25ml) ; Quy cách: 250ml (2x100ml + 2x25ml)	950.250	2.850.750
3.4			Hoá chất sinh hóa định lượng	Hộp	3	Urea UV cinética AA líquida	1810324	Wiener Lab	Wiener Laboratorios S.A.I.C	Argentina	≥2025	B	-Oxoglutarate mmol/l GLDH (microbial) ≥ 800 U/l NADH 0.28 mmol/l Độ tái lặp (Inter-assay precision): CV ≤ 2.36% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hộp ≥ 500 ml (4x100ml + 4x25ml) ; Quy cách: 500 ml (4x100ml + 4x25ml)	3.349.500	10.048.500

3.5			Hoá chất sinh hóa định lượng Cholesterol	Hộp	3	Colestat enzimátic o AA líquida	12201 14	Wiene r Lab	Wiener Laboratori os S.A.I.C	Argen tina	≥2025	B	CHE ≥ 100 U/l; CHOD ≥ 100 U/l; POD ≥ 1000 U/l 4-AP ≥ 0.2 mmol/l; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Giới hạn phát hiện: 0.0063g/l Độ tuyến tính tới ≥ 5 g/l Độ tái lập (Reproducibility): ≤ 3.49% Hộp ≥ 400ml (4x100ml) ; Quy cách: 400ml (4x100ml)	2.100.000	6.300.000
3.6			Hoá chất sinh hóa định lượng Triglyceid	Hộp	3	TG Color GPO/PAP AA líquida	10098 06	Wiene r Lab	Wiener Laboratori os S.A.I.C	Argen tina	≥2025	B	Chlorophenol 2 mmol/l ATP 2 mol/l 4-AP 0.4 mmol/l Giới hạn phát hiện ≤ 0.009 g/l Độ tuyến tính tới ≥ 10 g/l Độ tái lập (Reproducibility): ≤ 0.5% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 160ml (4x40ml) ; Quy cách: 160ml (4x40ml)	2.429.700	7.289.100
3.7			Hoá chất sinh hóa định lượng HDL-C	Hộp	3	HDL Cholesterol fast	10098 04	Wiene r Lab	Wiener Laboratori os S.A.I.C	Argen tina	≥2025	B	N-ethylN- (2-hydroxy-3 sulfopropyl) -3-toluidine dinatri (TOOS) <1 mM 4-aminoantipyrine (4-AAP) <1 mM Chất hiệu chuẩn đi kèm Giới hạn phát hiện: ≤ 4 mg/dl Độ tuyến tính tới ≥ 150 mg/dl Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 72mL (2x27ml + 2x9mL) ; Quy cách: 72mL (2x27ml + 2x9mL)	3.099.600	9.298.800
3.8			Hoá chất sinh hóa định lượng LDL	Hộp	3	Hóa chất xét nghiệm LDL Cholesterol	12202 20	Wiene r Lab	Wiener Laboratori os S.A.I.C	Argen tina	≥2025	B	Cholesterol esterase 1000 U/l. Cholesterol oxidase 1200 U/l. Peroxidase 1250 U/l. Absorbate oxidase 3000 U/l. 4-aminoantipyrine 1g/l and and 7 g/l surfactant in 50 mM MES buffer. Hộp ≥ (80 mL (60 mL + 20 mL) + calibrator)	7.000.000	21.000.000

													; Quy cách: 80 mL (60 mL + 20 mL - 200 det.)		
3.9			Hoá chất sinh hóa định lượng AST (GOT)	Hộp	3	GOT (AST) UV AA líquida	17523 60	Wiener Lab	Wiener Laboratorios S.A.I.C	Argentina	≥2025	B	L-Aspartate ≥ 200 mmol/l NADH ≥ 0.18 mmol/l 2-Oxoglutarate ≥ 12 mmol/l Độ tái lập (Reproducibility): ≤ 2.86% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 200ml (4x40ml + 1x40ml) ; Quy cách: 200ml (4x40ml + 1x40ml)	1.050.000	3.150.000
3.10			Hoá chất sinh hóa định lượng ALT (GPT)	Hộp	3	GPT (ALT) UV AA líquida	17623 60	Wiener Lab	Wiener Laboratorios S.A.I.C	Argentina	≥2025	B	L-Alanine ≥ 500 mmol/l NADH ≥ 0.18 mmol/l 2-Oxoglutarate ≥ 15 mmol/l Độ tái lập (Reproducibility): ≤ 1.82% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 200ml (4x40ml + 1x40ml) ; Quy cách: 200ml (4x40ml + 1x40ml)	1.050.000	3.150.000
3.11			Hoá chất sinh hóa định lượng Acid Uric	Hộp	3	Uricostat enzimático AA líquida	18401 10	Wiener Lab	Wiener Laboratorios S.A.I.C	Argentina	≥2025	B	4-AP 0.10 mmol/l Potassium ferrocyanide 6 umol/l DHS 2.0 mmol/l Độ nhạy: ≤ 0.03 mg/dl Độ tuyến tính tới ≥ 20 mg/dl Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 500ml (4x100ml + 1x100ml) ; Quy cách: 500ml (4x100ml + 1x100ml)	2.394.000	7.182.000
3.12			Hoá chất sinh hóa định lượng canxi	Hộp	3	Ca-color Arsenazo III AA	11520 04	Wiener Lab	Wiener Laboratorios S.A.I.C	Argentina	≥2025	B	arsenazo III ≥ 1.4 g/l Giới hạn phát hiện: ≤ 2.5 mg/dl Độ tuyến tính tới ≥ 20 mg/dl Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 200ml (4x50ml) ; Quy cách: 200ml (4x50ml)	1.079.400	3.238.200

3.13			Chất chuẩn QC máy sinh hóa	Hộp	3	Calibrador A plus	1918005	Wiener Lab	Wiener Laboratorios S.A.I.C	Argentina	≥2025	B	Huyết thanh đông khô Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hộp: 6ml (2x3ml) ; Quy cách: 6ml (2x3ml)	2.625.000	7.875.000
3.14			Dung dịch rửa máy	Chai	3	CMD 80 detergent	10096666	Wiener Lab	Wiener Laboratorios S.A.I.C	Argentina	≥2025	A	5% Potassium hydroxide. 1% Citrate buffer and surfactants Chai ≥ 2L ; Quy cách: Chai 2L	2.150.000	6.450.000
3.15			Chất kiểm chuẩn	Bộ	6	STANDARTROL S-E 2 NIVELES	1937553	Wiener Lab	Wiener Laboratorios S.A.I.C	Argentina	≥2025	B	Chất kiểm chuẩn đa giá trị cho xét nghiệm sinh hóa Mức kiểm soát 1: lọ 5 ml đồng nhất và huyết thanh đông khô với nồng độ bình thường hoặc ngưỡng bình thường/bệnh lý của chất chuyển hóa và enzym. Mức kiểm soát 2: lọ 5 ml đồng nhất và huyết thanh đông khô với nồng độ bệnh lý hoặc ngưỡng bình thường/bệnh lý của các chất chuyển hóa và enzym ; Quy cách: Bộ (1x5ml Nivel 1 + 1x5ml Nivel 2)	2.278.500	13.671.000
4	PP2600258780: Phần 4: Hóa chất - Sinh phẩm xét nghiệm Huyết học.														
4.1			CELLPACK	Thùng	7	Cell pack (PK-30L)	P88408711	Sysmex	Sysmex Asia Pacific Pte Ltd	Singapore	≥2025	A	Thành phần: Sodium Chloride 6.38 g/l. Boric Acid 1 g/l. Sodium Tetraborate 0.2 g/l. EDTA-2K 0.2 g/l Thùng 20 lít Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Quy cách: 20 lít/thùng	3.365.384	23.557.688
4.2			Stromatolyser - WH	Chai	6	Stromatolyser-WH (SWH-200A)	P97405216	Sysmex	Sysmex Asia Pacific Pte Ltd	Singapore	≥2025	B	Thành phần: Organic quaternary ammonium salt 8.5g/l và sodium chloride 0.6g/l Chai 500ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 ; Quy cách: 500ml/chai	2.110.500	12.663.000

4.3			Dung dịch kiềm mạnh dùng để rửa hệ thống máy huyết học.	Hộp	3	CELLCL EAN (CL- 50)	834- 0162- 1	Sysme x	Sysmex corporatio n Ono Factory;	Nhật Bản	≥2025	A	Công dụng: Dung dịch kiềm mạnh dùng để rửa hệ thống máy huyết học. Bảo bảo ở 1 - 30 độ C Sau khi mở nắp ổn định đến khi hết hạn Thành phần: Sodium hypochlorite 5% Hộp 50mL Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; Quy cách: 50mL x1/hộp	3.300.000	9.900.000
4.4			Kiểm chuẩn máy huyết học 3 thành phần Bạch cầu	Lọ	3	Eightchec k-3WP-H/ Eightchec k-3WP-L/ Eightchec k-3WP-N	72001 7828/ 72001 7829/ 72001 7830	Streck	Streck	Mỹ	≥2025	B	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học với bảng giá trị ≥ 22 thông số báo cáo Công dụng: vật liệu kiểm soát huyết học chủ yếu dùng trong kiểm soát chất lượng nội bộ phòng xét nghiệm trên các thành phần máu bằng những phương pháp tự động, bán tự động hoặc thủ công Bảo quản: từ 2 - 8 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 7 ngày Thành phần: tế bào hồng cầu ở người được làm ổn định, bạch cầu cố định từ động vật có vú và thành phần tiểu cầu trong chất bảo quản.; Quy cách: 1x1.5ml/ lọ	1.098.027	3.294.081
4.5			Máu chuẩn MEK dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Lọ	5	BloodTrol 5D	H0511 11	SFRI SAS	SFRI SAS	Pháp	≥2025	B	Dùng để kiểm chuẩn máy huyết học 5 thành phần Bạch cầu. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485. Đóng gói lọ 3ml Xuất xứ: G7 ; Quy cách: Lọ 3ml	3.150.000	15.750.000

4.6			Dung dịch pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	Thùng	24	Diluant LMG	HNK D320	SFRI SAS	SFRI SAS	Pháp	≥2025	A	Dung dịch pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học . Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485 Thành phần: - Organic buffer < 0.1 % - Sodium salts < 1.0 % - Natrium azide < 0.05% Độ pH: (6.95 ± 0.10) Điện trở suất: (58.5 ± 6.0) Ohm.cm Áp suất thẩm thấu: (330 ± 10) mOsmol/kg Hộp 20 lít Xuất xứ: G7 ; Quy cách: Thùng 20 L	3.055.000	73.320.000
4.7			Dung dịch phá vỡ tế bào hồng	Lọ	17	Agent de Lyse LMG	HNK L302	SFRI SAS/	SFRI SAS/	Pháp	≥2025	B	Dung dịch phá vỡ tế bào hồng cầu. đo HGB trong xét nghiệm huyết học . Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485. Thành Phần: - Ammonium salts < 3.0% - Ammonium oxalate < 3.0 % - Potassium cyanide < 0.1 % Độ pH: (8.00 ± 0.50) Điện trở suất: (33.0 ± 6.0) Ohm.cm Áp suất thẩm thấu: (480 ± 10) mOsmol/kg Hộp 500 ml Xuất xứ: G7 ; Quy cách: Lọ 0.5 L	2.600.000	44.200.000
4.8			Dung dịch ly giải tế bào hồng cầu	Chai	10	XKMEK9 10-Lyse	JXK-284	Zhejia ng Xinke	Zhejiang Xinke Medical Technology Co., Ltd.	Trung Quốc	≥2025	B	Dung dịch ly giải tế bào hồng cầu. Thành phần: Quaternary ammonium salt. sodium salt. buffer. Chai 500ml; Quy cách: Chai 500ml	2.000.000	20.000.000

4.9			Dung dịch rửa thường	Chai	4	Detergent Enzymatique	HNK G005	SFRI SAS	SFRI SAS	Pháp	≥2025	A	Dung dịch rửa thường quy dùng cho máy xét nghiệm huyết học. Thành phần: - Organic buffer < 0.5% - Sodium salts < 2.0 % - Proteolytic enzyme < 0.5 % - Preservative < 0.05% Độ pH: (7.20 ± 0.10) Điện trở suất: (70.0 ± 6.0) Ohm.cm Áp suất thẩm thấu: (320 ± 20) mOsmol/kg Hộp 05 lít Xuất xứ: G7 ; Quy cách: Chai 5 L	3.200.000	12.800.000
4.10			Dung dịch rửa đậm đặc dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Chai	4	Détergent Chloré	HNK G305	SFRI SAS	SFRI SAS	Pháp	≥2025	A	Dung dịch rửa đậm đặc dùng cho máy xét nghiệm huyết học Thành phần: Sodium hypochloride <4.0% Độ pH: (12.50 ± 0.50) Điện trở suất: (21.0 ± 6.0) Ohm.cm Hộp 05 lít Xuất xứ: G7 ; Quy cách: Chai 5 L	3.600.000	14.400.000
4.11			Nhóm máu ABO (Bộ 03: Anti A. Anti B. Anti AB)	Bộ	1	Anti A (IgM)/ Anti B (IgM)/ Anti AB (IgM)	81000 1/ 81400 1/ 81600 1	Spectrum Diagnostics	Egyptian Company for Biotechnology (S.A.E) - Spectrum Diagnostics – Ai Cập	Ai Cập	≥2025	D	Thuốc thử được sử dụng để phát hiện nhóm máu A. B. và AB trong mẫu máu người. Hiệu giá ≥ 1:256. Độ đặc hiệu 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485; Quy cách: (3x Lọ 10ml)/ Bộ	283.500	283.500
Tổng cộng. Bằng chữ: <i>Tám trăm mười tám triệu, chín trăm mười một ngàn, bốn trăm linh chín đồng./.</i>														818.911.409	

